TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 14-5-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm My.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hưng;

2. Bà Nguyễn Thị Bé Em.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hoa Hạ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre *tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Ấm - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 35/2025/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2025 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 4 năm 2025, giữa:

1. Nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị Ngọc G, sinh năm 1992; hộ khẩu thường trú: Số A ấp P, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre. Chỗ ở hiện nay: Ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn:

Ông Trương Minh H, sinh năm 1981; nơi cư trú: Số B, khu phố C, phường H, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

(Bà Giàu có yêu cầu xét xử vắng mặt, ông H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trương Minh H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H2, thành phố B, tỉnh Bến Tre vào ngày 09/4/2010. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến khoảng năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Hiện bà và ông H đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng với ông H không còn, không thể hàn gắn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H, bà không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Có 01 con chung tên Trương Ngọc H1, sinh ngày 22/02/2010, hiện con đang sống cùng bà G. Sau khi ly hôn, bà G yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trương Minh H vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc G, cụ thể:

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc G được ly hôn với ông Trương Minh H. Ghi nhận bà G không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

+ Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Ngọc G được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Trương Ngọc H1, sinh ngày 22/02/2010. Ghi nhận bà G không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Bà G khai không có nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Trương Minh H là bị đơn cư trú tại thành phố B, tỉnh Bến Tre nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Giàu C đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà G là phù hợp.

Bị đơn ông Trương Minh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải nhưng ông H không có mặt, vụ án không tiến hành mở phiên hòa giải được và tại phiên tòa ông H vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H là phù hợp.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Bà G và ông H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H2, thành phố B, tỉnh Bến Tre và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Theo bà G thì sau khi kết hôn, bà và ông H chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Nay bà G xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông H, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà G và ông H thực tế là có xảy ra và giữa hai người đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Với khoảng thời gian trên cũng đủ cho ông bà suy nghĩ lại tình cảm vợ chồng, thế nhưng cả hai cũng không tìm cho mình một biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã triệu tập ông H để tiến hành hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông H không đến. Tại phiên tòa, ông H vẫn tiếp tục vắng mặt. Điều đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà G và ông H là đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ly hôn là biện pháp tốt nhất nhằm đem lại tự do

cho cả hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà G đối với ông H là phù hợp theo quy định tại các Điều 51 và 56 của Luật hôn nhân và Gia đình.

Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Có 01 con chung Trương Ngọc H1, sinh ngày 22/02/2010, hiện cháu H1 đang sống với bà G. Sau khi ly hôn, bà G yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung. Xét thấy cháu H1 từ trước đến nay sống cùng bà G và nguyện vọng của cháu H1 cũng muốn tiếp tục sống cùng với bà G, nên Hội đồng xét xử giao con chung cho bà G tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Bà G không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà G khai không có nên không xét đến.

[5] Về phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Bà G phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 147, 207, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc G đối với bị đơn ông Trương Minh H về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", cụ thể tuyên:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc G được ly hôn với ông Trương Minh H. Ghi nhận bà G không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

1.2. Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Ngọc G được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Trương Ngọc H1, sinh ngày

22/02/2010, hiện cháu H1 đang sống cùng với bà G. Ghi nhận bà G không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung sau này, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà G khai không có nên không xét đến.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc G phải chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà G đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007875 ngày 10/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Bà G đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND thành phố Bến Tre;
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND phường 8;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diễm My